

Bản án số: 267/2024/DS-ST
Ngày: 24/9/2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thu Thủy; Bà Nguyễn Thị Thu Sương.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Trọng Tín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 174/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 575/2024/QĐXXST-DS ngày 16/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 639/2024/QĐST-DS ngày 05/9/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N (tên viết tắt là A), địa chỉ trụ sở: số B, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ Tổng Giám Đốc Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh G, chức vụ Phó Giám đốc phụ trách điều hành Ngân hàng N – chi nhánh C1, An Giang (Theo Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-HĐTV-PC ngày 01/12/2022 của A)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh G: Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1973, chức vụ Trưởng phòng khách hàng Ngân hàng N – chi nhánh C1, tỉnh An Giang (Theo Giấy ủy quyền số 37/NHNN.CP ngày 26/7/2024 của A).

- *Bị đơn:* Ông Hồ Phú C, sinh năm 1984, địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông Ú có mặt. Riêng ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/7/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn A trình bày:

Ngày 26/8/2020, ông Hồ Phú C có ký với Ngân hàng N (A) tại chi nhánh C1, tỉnh An Giang hợp đồng tín dụng số 6708-LAV-202002117 ngày 26/8/2020 kèm theo Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ký ngày 28/8/2020 để vay của A số tiền 170.000.000 đồng, mục đích vay là mua sắm phục vụ nhu cầu đời sống. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày 26/8/2020 đến hết ngày 25/8/2025, lãi suất cho vay trong hạn là 12%/năm, lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Đến ngày 10/4/2024, lãi suất trong hạn được thay đổi là 11%/năm (theo nội dung văn bản số 3579/NHNN-ALCO của Phó tổng giám đốc A), lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn.

Biện pháp bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Hồ Phú C theo Hợp đồng tín dụng nêu trên bằng thu nhập từ lương hàng tháng được xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V vào ngày 26/8/2020 do tại thời điểm vay ông C là công chức đang công tác tại Ủy ban nhân dân xã V. Đồng thời ông C có văn bản đồng ý ủy quyền cho A chi nhánh C1, tỉnh An Giang thụ hưởng tất cả các khoản tiền được chi trả từ chế độ thôi việc, trợ cấp thất nghiệp và các chế độ bảo hiểm xã hội của ông C.

Do ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tính đến ngày 24/7/2024, tổng số tiền ông C còn nợ A chi nhánh C1, tỉnh An Giang là 75.248.203 đồng, trong đó nợ gốc là 67.400.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.249.655 đồng, nợ lãi quá hạn là 427.500 đồng, phí chậm trả lãi là 171.049 đồng nên A khởi kiện yêu cầu ông Hồ Phú C có nghĩa vụ trả cho A tổng số tiền nợ tính đến ngày 24/7/2024 là 75.248.203 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 67.400.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.249.655 đồng, nợ lãi quá hạn là 427.500 đồng, phí chậm trả lãi là 171.049 đồng) và trả lãi phát sinh kể từ ngày 25/7/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 6708-LAV-202002117 ngày 26/8/2020 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc cho A.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: 01 Hợp đồng tín dụng số 6708-LAV-202002117 ngày 26/8/2020 (bản sao); 01 Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 28/8/2020 (bản photo); 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Hồ Phú C (bản photo); 01 Giấy xác nhận thu nhập của Hồ Phú C (bản photo); 01 Giấy ủy quyền ngày 26/8/2020 (bản sao) và các tài liệu, chứng cứ khác khi làm thủ tục vay tiền.

Ngày 26/7/2024, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bằng biện pháp “phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ” đối với ông Hồ Phú C, tài sản bị phong tỏa là khoản tiền hỗ trợ nghỉ việc của ông Hồ Phú C là 49.410.000 đồng do Ủy ban nhân dân xã Đ đang giữ để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của ông C cho A. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã nộp số tiền 10.000.000 đồng trong tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng N chi nhánh huyện C1 theo Quyết định phong tỏa tài sản số 02/2024/QĐ-PTTS ngày 31/7/2024. Tòa án đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 31/7/2024 về “phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ” đối với số tiền 49.410.000 đồng

là tiền trợ cấp kinh phí thi việc của ông Hồ Phú C do Ủy ban nhân dân xã Đ đang giữ theo Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc phê duyệt trợ cấp kinh phí thi việc Công chức theo Nghị định số 46/2010/NĐ-CP đối với ông Hồ Phú C.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Hồ Phú C nhưng ông C vẫn vắng mặt, không có lý do, không gửi văn trình bày kiến về vụ án, không có đơn xin vắng mặt.

* Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ toàn bộ yêu cầu khởi kiện, quá trình vay đến ngày 24/8/2023, ông C chỉ trả được cho A tổng số tiền gốc, lãi là: 142.042.718 đồng, trong đó số tiền gốc đã trả là 102.600.000 đồng, số tiền lãi đã trả là 39.442.718 đồng, số tiền nợ còn lại ngưng trả đến nay. Tính đến ngày 24/9/2024, tổng số tiền nợ mà bị đơn ông Hồ Phú C còn nợ A là 76.853.937 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 67.400.000 đồng, nợ lãi là 9.453.937 đồng (cụ thể lãi trong hạn là 8.488.707 đồng, lãi quá hạn là 687.748 đồng, phí chậm trả lãi là 277.482 đồng). Nên A yêu cầu bị đơn ông Hồ Phú C trả ngay một lần tổng số tiền nợ 76.853.937 đồng như đã nêu và yêu cầu trả lãi tiếp theo phát sinh kể từ ngày 25/9/2024 theo mức lãi suất thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số 6708-LAV-202002117 ngày 26/8/2020 đã ký giữa ông C với A cho đến khi ông C trả hết số tiền nợ. Về yêu cầu khẩn cấp tạm thời: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu như trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn vắng mặt, không có lý do.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình xét xử vụ án và tại phiên tòa, không có lý do, không có đơn xin vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến về vụ án là chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 385, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (A); Buộc ông Hồ Phú C

phải có nghĩa vụ trả cho A tổng số tiền nợ gốc, lãi tính đến hết ngày 24/9/2024 là 76.853.937 đồng; Buộc ông Hồ Phú C tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/9/2024 cho A theo mức lãi suất thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số 6708-LAV-202002117 ngày 26/8/2020 đã ký giữa ông C với A cho đến khi ông C trả hết số tiền nợ. Đề nghị tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 02/2024 ngày 31/7/2024 của Toà án nhân dân huyện Châu Phú để đảm bảo cho việc thi hành án. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Hồ Phú C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “tranh chấp hợp đồng tín dụng”; Bị đơn ông Hồ Phú C có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự, tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ú có mặt, bị đơn ông Hồ Phú C vắng mặt, không có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.3] Về pháp luật áp dụng giải quyết:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 6708-LAV-202002117 ngày 26/8/2020 và Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 28/8/2020 do các bên ký kết. Xét thấy, đây là các giao dịch dân sự được xác lập sau ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng quy định pháp luật của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

[1.5] Về việc ủy quyền:

Nguyên đơn A đã ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh G là Phó giám đốc phụ trách điều hành A – chi nhánh C1, tỉnh An Giang. Ông G uỷ quyền lại cho ông Nguyễn Văn Ú tham gia tố tụng trong vụ án theo Giấy uỷ quyền số 37/NHNN.CP ngày 26/7/2024 của A. Xét thấy việc ủy quyền này được thực hiện phù hợp theo quy

định tại Điều 85, Điều 86, Điều 87 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[1.6] Về xác định chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Hồ Phú C trả số tiền nợ vay phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 6708-LAV-202002117 ngày 26/8/2020 và Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 28/8/2020 có chữ ký, họ tên của ông C. Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn, trong đó có nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối hay có yêu cầu gì khác nên thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92, Điều 93 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử xác định chứng cứ trong vụ án là Hợp đồng tín dụng số 6708-LAV-202002117 ngày 26/8/2020 và Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 28/8/2020 có chữ ký, họ tên của ông C do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét, giải quyết vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về các hợp đồng tín dụng, số tiền nợ gốc, lãi và nghĩa vụ trả nợ:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn cung cấp, qua đó có cơ sở xác định: Giữa nguyên đơn Ngân hàng N thông qua chi nhánh C1, tỉnh An Giang với bị đơn ông Hồ Phú C có ký Hợp đồng tín dụng số 6708-LAV-202002117 vào ngày 26/8/2020, theo đó ông Hồ Phú C vay của A số tiền 170.000.000 đồng, mục đích vay là mua sắm phục vụ nhu cầu đời sống. Thời hạn vay kể từ ngày 26/8/2020 đến ngày 25/8/2025, lãi suất cho vay trong hạn là 12%/năm, lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Đến ngày 10/4/2024, lãi suất trong hạn được thay đổi là 11%/năm, lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Xét thấy, Hợp đồng tín dụng nêu trên được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 385, Điều 398, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 14, khoản 16 Điều 4, Điều 90, Điều 91, Điều 94 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Bị đơn ông C là người trực tiếp ký kết hợp đồng tín dụng với A để vay tiền và bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay trên là thu nhập hàng tháng từ lương của ông C, được xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V vào ngày 26/8/2020 do tại thời điểm vay ông C là công chức đang công tác tại Ủy ban nhân dân xã V.

Trong quá trình vay đến nay, ông C chỉ trả được cho A tổng số tiền nợ gốc, lãi là: 142.042.718 đồng, trong đó số tiền gốc đã trả là 102.600.000 đồng, số tiền lãi đã trả là 39.442.718 đồng. Số tiền nợ gốc còn lại 67.400.000 đồng ngưng trả đến nay. Mặc dù đại diện A đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở và yêu cầu ông C thực hiện nghĩa

vụ trả nợ đúng hạn nhưng ông vẫn không thực hiện nên đã chuyển sang nợ quá hạn. Do ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận tại Điều 5, Điều 6, Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số 6708-LAV-202002117 vào ngày 26/8/2020 nên nguyên đơn A khởi kiện yêu cầu bị đơn ông C trả nợ là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn ông C và tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để bị đơn có ý kiến trình bày, đồng thời tạo điều kiện cho các bên hòa giải, thỏa thuận với nhau nhưng bị đơn ông C vẫn vắng mặt, không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến về vụ án. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, chỉ thay đổi về số tiền nợ tính đến ngày 24/9/2024 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, cho thấy bị đơn đã tự từ bỏ quyền lợi của mình, không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên thuộc trường những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92, Điều 93 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tính đến ngày 24/9/2024, ông C còn nợ A tổng số tiền gốc, lãi là 76.853.937 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 67.400.000 đồng, nợ lãi là 9.453.937 đồng (cụ thể lãi trong hạn là 8.488.707 đồng, lãi quá hạn là 687.748 đồng, phí chậm trả lãi là 277.482 đồng). Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền gốc, lãi tính đến hết ngày 24/9/2024 là 76.853.937 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 67.400.000 đồng, nợ lãi là 9.453.937 đồng như đã nêu trên và trả lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 25/9/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 6708-LAV-202002117 ký ngày 26/8/2020 giữa A với ông Hồ Phú C cho đến khi bị đơn trả hết số tiền nợ cho A là có căn cứ và có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 280, 351, 357, 466 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

[2.2] Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Xét thấy, do bị đơn bị buộc nghĩa vụ trả nợ, đồng thời không có căn cứ thay đổi, hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nên để đảm bảo cho việc thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật, cần tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 31/7/2024 về “phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ” đối với số tiền 49.410.000 đồng là tiền trợ cấp kinh phí thi việc của ông Hồ Phú C do Ủy ban nhân dân xã Đ đang giữ theo Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc phê duyệt trợ cấp kinh phí thi việc Công chức theo Nghị định số 46/2010/NĐ-CP đối với ông Hồ Phú C.

[2.3] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 9, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số: 0005899 ngày 31/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Bị đơn ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 3.842.697 đồng, làm tròn là 3.843.000 đồng (Ba triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N (viết tắt là A) đối với bị đơn ông Hồ Phú C:

- Buộc bị đơn ông Hồ Phú C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng N (A) tổng số tiền nợ tính đến ngày 24/9/2024 là 76.853.937 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi sáu triệu tám trăm năm mươi ba ngàn chín trăm ba mươi bảy đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 67.400.000 đồng, nợ lãi là 9.453.937 đồng (cụ thể lãi trong hạn là 8.488.707 đồng, lãi quá hạn là 687.748 đồng, phí chậm trả lãi là 277.482 đồng).

- Buộc bị đơn ông Hồ Phú C có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/9/2024 cho A theo mức lãi suất thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số 6708-LAV-202002117 ngày 26/8/2020 được ký kết giữa A với ông Hồ Phú C cho đến khi ông C trả hết số tiền nợ.

2. Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 31/7/2024 về “phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ” đối với số tiền

49.410.000 đồng là tiền trợ cấp kinh phí thôi việc của ông Hồ Phú C do Ủy ban nhân dân xã Đ đang giữ theo Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc phê duyệt trợ cấp kinh phí thôi việc Công chức theo Nghị định số 46/2010/NĐ-CP đối với ông Hồ Phú C để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Phần tuyên về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong bản án không bị kháng cáo, kháng nghị).

3. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bị đơn ông Hồ Phú C phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.843.000 đồng (Ba triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn đồng).

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng N (A) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số: 0005899 ngày 31/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND HCP;
- Tòa án tỉnh An Giang;
- Thi hành án DS HCP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng .

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Thái Dương Thùy Dung